

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 27-02-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Khanh và bà Nguyễn Thị Hồng Bạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 312/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1983, tại tỉnh A G. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp PC B, xã PT, huyện P, tỉnh A G; nơi ở: Nhà số 131/12, đường Đ, Khu phố 3, phường B1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Lê Thị T; có vợ và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ ngày 15-5-2019 (trong trường hợp khẩn cấp), tạm giam ngày 24-5-2019 “có mặt”;

2. Dương Minh T, sinh năm 1993, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 363/38/45/33, đường ĐM, Khu phố 5, phường B1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (đã bán nhà đi khỏi địa phương từ tháng 2/2019 và đi đâu không rõ); nơi ở: Không ổn định; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Minh N và bà Lê Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ ngày 15-5-2019 (trong trường hợp khẩn cấp), tạm giam ngày 24-5-2019 “có mặt”.

***Các bị hại:**

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 141/6/5/46, đường TH, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở đăng ký tạm trú: Nhà số 563/86, đường L, Khu phố 7, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”;

- Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B1, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh B L; nơi ở đăng ký tạm trú: Nhà số 563/68, đường L, Khu phố 7, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

***Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Võ Thùy Tr1, sinh năm 1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 654, đường TL, Khu phố 16, phường BT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở đăng ký tạm trú: Nhà số 648/14D, đường TL, Khu phố 16, phường BT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”;

- Chị Trần Tuyết N, sinh năm 1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 4/13, đường P, Khu phố 8, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở đăng ký tạm trú: Nhà số 452/1A, đường TL0, Khu phố 15, phường BT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 07/5/2019, tại phòng trọ của nhà số 648/14C, đường TL phường BTĐ, quận BT, các chị Võ Thùy Tr1 và Trần Tuyết N (Q) hùn tiền làm cái đánh bài Ấn Độ thắng thua bằng tiền với 08 người đặt tụ gồm: Chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Văn , cùng các tên C, P (Cọ), H, Ng, Th và Tr2 (tất cả đều không rõ lai lịch). Chơi đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì tên C phát hiện nói nhóm của chị T (gồm chị T, anh H, các tên Ph, Th1 và Tr2), chơi bài gian lận. Nghe vậy, Nguyễn Văn Bé N (bạn trai của chị Tr1) đang ngồi xem liền đứng lên nói "*tất cả ngồi im*" rồi khóa cửa phòng lại không cho ai ra về và yêu cầu những người chơi gian lận trả lại tiền nhưng không được chấp nhận. Khi đó, N liền điện thoại cho Dương Minh T đến giúp N buộc nhóm của T trả lại tiền đã thắng bạc của N và nhóm bạn mình trong những ngày chơi đánh bài trước đó. Khoảng 15 phút sau, T cùng với 02 người bạn (trong có 01 người tên H và đều không rõ lai lịch) đến. N mở cửa phòng trọ cho cả 03 người vào, lúc này các chị Tr1 và N bỏ đi ra ngoài đường. Tại đây, T tiến lại dùng tay đánh tên P và nói câu yêu cầu "*Mấy người đánh bài ăn gian, ăn bao nhiêu thì trả tiền lại cho người ta rồi đi về*". Nghe vậy, tên P thừa nhận chơi bài gian lận, còn chị T không thừa nhận thì bị T dùng tay đánh liên tiếp vào mặt rồi xuống bếp lấy lên cây kéo bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, dài khoảng 22,5cm cắt tóc của chị T và anh H với mục đích để những người này phải đưa lại tiền cho N. Sau đó, N buộc chị T, anh H, các tên P, Th và Tr1 mỗi người phải đưa 50.000.000 đồng thì mới cho về. Trong đó, có 03 người được gia đình mang tiền đến đưa cho N gồm: phần của các tên P và Th mỗi người 50.000.000 đồng, còn tên Trí 35.000.000 đồng nên Năm mở cửa phòng ra cho 03 người này về cùng với 02 tên Ng và H1. Do chị T không có tiền nên bị N và tên C tháo 21 vòng bằng hợp kim khối lượng 59,957g, tương đương 15,9885 chỉ vàng 14K; 04 vòng bằng hợp kim, khối lượng 13,2628g, tương đương 3,5367 chỉ vàng 17K; 03 vòng bằng hợp kim, khối lượng 9,8301g, tương đương 2,6214 chỉ vàng 16K; 02 vòng bằng hợp kim, khối lượng 16,3818g, tương đương 4,3685 chỉ vàng 23K; 03 nhẫn bằng hợp kim, khối lượng 18,2201g, tương đương 4,2405 chỉ vàng 14K của T đang đeo trên người ra đưa hết cho N (tổng cộng trị giá 71.092.487 đồng). Sau đó, N kêu 02 người bạn của T lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 59D2-609.67 cùng giấy xe đem đi cầm và do tưởng xe của anh H nên kêu anh H đi theo (xe trị giá 48.000.000 đồng). Các tên này điều khiển chiếc xe của chị T chở anh H chạy đến Tiệm cầm đồ số 513, đường TL, phường BTĐB, quận BT cầm cho chị Trần Thị H được số tiền 20.000.000 đồng rồi về đưa tiền cùng giấy biên nhận cầm đồ cho N. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/5/2019, T cùng với

02 người bạn đi về và tuy N có đưa tiền cho T nhưng T không nhận nên không biết sự việc sau đó đã xảy ra như thế nào. Do N xem số tiền 20.000.000 đồng này chỉ là một phần tiền của anh H trả lại cho N, số tiền còn lại 30.000.000 đồng thì anh H nói chờ người nhà mang đến đưa tiếp cho N nên Năm khóa cửa phòng và cùng với tên C nằm thức canh chị T và anh H chờ đến 06 giờ cùng ngày nhưng anh H vẫn không liên lạc được với gia đình. Lúc này, N khóa cửa phòng đi đến Tiệm cầm đồ chuộc lại chiếc xe và xin tờ biên nhận (chưa ghi chép) khác rồi chạy xe đến gửi tại nhà bà Nguyễn Huệ Tr và quay về. N tự ghi vào tờ biên nhận cầm xe 40.000.000 đồng nhằm để anh H sẽ đưa cho N 40.000.000 đồng để chuộc lại xe rồi đưa cho anh H cất giữ. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày thì N mới chịu mở khóa cửa phòng cho chị T và anh H về. Ngay sau đó, N mang toàn bộ số vàng đã lấy của chị T đến Tiệm cầm đồ trước đó cầm được 50.000.000 đồng. Đến ngày 14/5/2019, chị T mới đến Công an phường Bình Trị Đông trình báo sự việc; Công an phường tiến hành lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Qua truy xét, ngày 15/5/2019 đã tạm giữ N trong trường hợp khẩn cấp, còn Dương Minh T cũng ra đầu thú cùng ngày.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Bé N khai nhận trong lúc ngồi xem bạn gái của bị cáo tên Võ Thùy Tr1 cùng chị Trần Tuyết N hùn tiền làm cái chơi đánh bài Ăn Độ ăn thua bằng tiền với 08 người đặt tụ tại phòng trọ của bị cáo thuê, gồm: Chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Văn Hoàng cùng các tên C, P, H, Ng, Th và Tr2 (đều không rõ lai lịch) thì nghe tên C nói nhóm của chị T (gồm chị T, anh H, các tên P, Th và Tr2) chơi bài gian lận. Khi đó, bị cáo liền đứng lên đóng cửa phòng lại và yêu cầu những người chơi bài gian lận trả lại tiền cho các người thua nhưng không ai đồng ý. Lúc này, bị cáo gọi điện thoại kêu bị cáo Dương Minh T đến giúp buộc những người chơi bài gian lận trả lại tiền cho bị cáo và nhóm bạn bị cáo. Một lúc sau, bị cáo T cùng với 02 người khác (trong đó có 01 người tên H và đều không rõ lai lịch) đến thì bị cáo mở cửa ra cho 03 người này vào phòng, nhân lúc đó chị Tr và N đã bỏ ra ngoài đi đâu không rõ. Bị cáo Th vừa bước vào thì liền dùng tay đánh vào mặt tên P và nói “*mấy người đánh bài ăn gian, ăn bao nhiêu thì trả tiền lại cho người ta rồi đi về*”, do chỉ có tên P thừa nhận là chơi bài gian lận nên bị cáo T đã dùng tay đánh vào mặt chị T rồi dùng kéo bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, dài khoảng 22,5cm cắt tóc chị T và anh H nhằm mục đích làm cho những người này sợ để đưa tiền cho bị cáo. Ngay sau đó, bị cáo liền buộc chị T, anh H cùng các tên P, Th và Tr2 mỗi người phải đưa cho bị cáo 50.000.000 đồng thì mới cho về. Do chỉ có các tên P, Th và Tr2 liên lạc được với gia đình và họ mang tiền đến đưa cho bị cáo phần của 02 tên P và Th mỗi người 50.000.000 đồng, còn tên Tr2 35.000.000 đồng (tổng cộng 135.000.000 đồng) nên bị cáo mở cửa cho 03 tên này cùng với Ng và H đi về. Liền sau đó, tên C (nhóm bị cáo) tháo lấy của chị T 21 vòng bằng hợp kim khối lượng 59,957g, tương đương 15,9885 chỉ vàng 14K; 04 vòng bằng hợp kim, khối lượng 13,2628g, tương đương 3,5367 chỉ vàng 17K; 03 vòng bằng hợp kim, khối lượng 9,8301g, tương đương 2,6214 chỉ vàng 16K; 02 vòng bằng hợp kim, khối lượng 16,3818g, tương đương 4,3685 chỉ vàng 23K; 03 nhẫn bằng hợp kim, khối lượng 18,2201g, tương đương 4,2405 chỉ vàng 14K đang đeo trên người ra đưa hết cho bị cáo. Do tưởng chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 59D2-609.67 của anh H nên bị cáo kêu anh H đi theo 02 người bạn của bị cáo T lấy chiếc xe này kèm với giấy tờ xe đem đi cầm được

20.000.000 đồng về đưa lại hết cho bị cáo. Lúc này, bị cáo nói phần của anh H còn 30.000.000 đồng nữa mới đủ thì anh H nói chờ người nhà mang đến đưa tiếp cho bị cáo nên bị cáo khóa cửa phòng và cùng với tên C nằm thức canh chị T và anh H (02 người này chung sống với nhau như vợ chồng) chờ đến 06 giờ cùng ngày nhưng anh H vẫn không liên lạc được với gia đình. Để lấy được tiền của anh H, bị cáo khóa cửa phòng đi đến Tiệm cầm đồ chuộc lại chiếc xe và xin tờ biên nhận mới khác rồi chạy xe đến gửi tại nhà bà Nguyễn Huệ Tr và quay về. N tự ghi vào tờ biên nhận cầm xe 40.000.000 đồng nhằm để anh H sẽ đưa cho N 40.000.000 đồng để chuộc lại xe rồi đưa cho anh H cất giữ. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, bị cáo mới mở khóa cửa phòng cho chị T và anh H về. Ngay sau đó, bị cáo mang toàn bộ số vàng đã lấy của chị T đến Tiệm cầm đồ trước đó cầm được 50.000.000 đồng. Sau khi có được tổng cộng 185.000.000 đồng, bị cáo đưa cho các chị Tr1 và N mỗi người 30.000.000 đồng rồi chỉ nói đây là số tiền của những người chơi đánh bài gian lận trả lại. Tuy số tiền còn lại là 125.000.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài hết nhưng do gia đình bị cáo đã bồi thường cho Tiệm cầm đồ của chị H số tiền 50.000.000 đồng nên bị cáo chỉ chấp nhận nộp lại sung quỹ Nhà nước 75.000.000 đồng.

Bị cáo T thừa nhận lời khai trên của bị cáo N là đúng, sau khi được bị cáo N gọi điện thoại đến giúp lấy lại tiền thắng của những người chơi bài gian lận thì bị cáo cùng với 02 người bạn người khác (trong đó có 01 người tên H và đều không rõ lai lịch) đến ra câu khẩu lệnh “*mấy người đánh bài ăn gian, ăn bao nhiêu thì trả tiền lại cho người ta rồi đi về*” và liền dùng tay đánh vào mặt tên P và chị T; sau đó, bị cáo tiếp tục dùng cây kéo bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, dài khoảng 22,5cm cắt tóc chị T và anh H nhằm làm cho những người này sợ và đưa tiền lại cho bị cáo N và cuối cùng thì bị cáo N đã lấy được số tài sản như lời khai của bị cáo N. Do ngay sau khi anh H cùng với 02 người bạn của bị cáo đi cầm xe về đưa tiền 20.000.000 đồng cho bị cáo Năm thì bị cáo và 02 người này ra về nên không biết gì về toàn bộ sự việc đã xảy ra sau đó. Đồng thời từ lúc ban đầu cho đến khi bị cáo bỏ đi về, bị cáo N không có kêu bị cáo phụ giữ bất cứ ai và cũng không có nhận tiền gì của bị cáo N.

Nay các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời, các bị cáo cùng thống nhất về số tài sản đã chiếm đoạt được của chị T có tổng giá trị là 119.092.487 đồng, không có ý kiến gì về việc giải quyết vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Bị hại anh Trịnh Văn H thừa nhận lời khai trên của các bị cáo là đúng. Do anh và chị Tiền chung sống với nhau như vợ chồng, cùng lúc các anh chị bị 02 bị cáo đe dọa thì ngay sau đó bị cáo T lại tiếp tục dùng tay đánh vào mặt và kéo cắt tóc của cả 02 người nên rất sợ và không dám kháng cự lại. Khi đó, chị T đã bị tên C và bị cáo N tháo lấy toàn bộ số tài sản gồm 30 vòng vàng và 03 nhẫn vàng đang đeo trên người; sau đó, bị cáo N tiếp tục ra lệnh cho 02 người bạn của bị cáo T lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 59D2-609.67 của chị Tiền chạy đi cầm và có cả bị cáo phải đi theo 02 người này. Sau khi cầm xe về đưa 20.000.000 đồng cho bị cáo N thì bị cáo T và 02 người bạn của bị cáo đi về; lúc đó, tuy anh và chị T có van xin bị cáo N mở khóa cửa phòng cho anh chị đi về nhưng bị cáo N nhất quyết không đồng ý và cùng với tên C canh giữ anh chị cho đến

khoảng 07 giờ sáng hôm sau mới chịu thả cho về. Chị T đã được nhận lại đủ số tài sản bị chiếm đoạt, còn anh không bị mất gì nên nay anh đại diện cho cả chị T không yêu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thùy Tr1 thừa nhận lời khai ban đầu lúc mới xảy ra sự việc của bị cáo N như vừa nêu trên là đúng. Tuy nhiên ngay sau khi bị cáo T đến thì chị và chị Trần Tuyết N đã bỏ ra ngoài được một lúc rồi đi về nhà nên hoàn toàn không liên quan hay biết gì đến hành vi của các bị cáo N và T. Đến ngày hôm sau, tuy bị cáo N có đưa cho các chị mỗi người 30.000.000 đồng nhưng lúc đó bị cáo N chỉ nói đây là tiền do những người chơi đánh bài gian lận trả lại nên chị không biết tiền do các bị cáo N và T chiếm đoạt trái phép mà có. Đến khi bị công an mời lên làm việc thì các chị mới biết và giao nộp lại. Nay chị không có ý kiến gì về việc giải quyết số tiền này.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo bị cáo Nguyễn Văn Bé N và Dương Minh T ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử đối với bị cáo N về các tội “Cướp tài sản” và “Giữ người trái pháp luật”, theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 và điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015. Còn bị T về “Tội cướp tài sản”, theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Văn Bé N và Dương Minh T đã cùng nhau có hành vi sử dụng tay, cây kéo đánh và cắt tóc chị Nguyễn Thị T là dùng vũ lực ngay tức khắc đối với chị T nhằm chiếm đoạt trái phép tài sản của chị T, tội phạm đã hoàn thành, tài sản có tổng giá trị là 119.092.487 đồng và việc sử dụng cây kéo thực hiện hành vi này nên được coi là “Sử dụng phương tiện nguy hiểm”; riêng bị cáo N, ngay sau đó còn có thêm hành khóa cửa phòng lại nhằm giữ chị T và anh Trịnh Văn H lại trong suốt khoảng thời gian hơn 06 giờ đồng là “Đối với 02 người trở lên”. Hành của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương không những trực tiếp xâm hại đến tài sản mà còn có thể gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác; riêng bị cáo N còn xâm hại đến quyền tự do đi lại của công dân nên cần phải áp dụng mức án thật nghiêm đối với các bị cáo thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho những hành vi tương tự. Tuy nhiên, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo N với mức án từ 09 năm đến 10 năm tù về “Tội cướp tài sản” và từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về “Tội giữ người trái pháp luật”, đồng thời tổng hợp hình phạt chung của hai tội là từ 11 năm 06 tháng đến 13 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T với mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về “Tội cướp tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung, tuy nhiên đề nghị buộc bị cáo N nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính 75.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Còn về vật chứng, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền

60.000.000 đồng và 02 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia; tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo, 01 hộp nhựa, 01 vỏ bao kính, 01 ổ khóa, 01 chìa khóa và 24 bộ bài tây.

Các bị cáo không ai tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn Bé N và Dương Minh T, lời khai bị hại cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Sau khi bị cáo N gọi điện thoại kêu bị cáo T đến giúp buộc những người chơi đánh bài gian lận đến giúp buộc các người này trả lại tiền thì lúc khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/5/2019, tại nhà số 648/14C, đường TL, phường BTĐ, quận BT. Các bị cáo đã bất ngờ cùng nhau thực hiện hành vi dùng tay đánh vào mặt chị Nguyễn Thị T rồi liền sau đó dùng cây kéo bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, dài khoảng 22,5cm cắt tóc chị T và anh Trịnh Văn H làm cho chị T và anh H (cả 02 anh chị không ai bị thương tích gì, còn tóc trên đầu chỉ bị nham nhở) tê liệt ý chí, lâm vào tình trạng không thể kháng cự được nhằm chiếm đoạt tài sản và cuối cùng các bị cáo đã đạt mục đích là lấy được 21 vòng bằng hợp kim khối lượng 59,957g, tương đương 15,9885 chỉ vàng 14K; 04 vòng bằng hợp kim, khối lượng 13,2628g, tương đương 3,5367 chỉ vàng 17K; 03 vòng bằng hợp kim, khối lượng 9,8301g, tương đương 2,6214 chỉ vàng 16K; 02 vòng bằng hợp kim, khối lượng 16,3818g, tương đương 4,3685 chỉ vàng 23K; 03 nhẫn bằng hợp kim, khối lượng 18,2201g, tương đương 4,2405 chỉ vàng 14K và chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 59D2-609.67 của chị T (anh H không có tài sản gì). Theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì số tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt có tổng giá trị là 119.092.487 đồng; đồng thời, các bị cáo đã dùng cây kéo bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, dài khoảng 22,5cm là vật cứng, sắc và nhọn thực hiện hành vi này nên được coi là “Sử dụng phương tiện nguy hiểm”. Riêng bị cáo N, ngay sau đó còn đã thực hiện hành vi xâm phạm đến quyền tự do đi lại của chị T và anh H bằng cách khóa cửa phòng trọ lại để giữ các anh, chị xuyên suốt từ khoảng 02 giờ ngày 08/5/2019 đến khoảng 07 giờ cùng ngày thì mới cho anh, chị ra về, nhằm gây áp lực để anh, chị trả lại đủ số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo cho rằng đó là tiền thắng do chơi đánh bài gian lận là “Đối với 02 người trở lên”. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn Bé N đã phạm các tội “Cướp tài sản” và “Giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm

2015. Còn bị cáo và Dương Minh T đã phạm “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại Tòa hôm nay phù hợp với toàn bộ các khai trước đây tại Cơ quan điều tra; lời khai của các bị hại, biên bản khám nghiệm và bản ảnh hiện trường, biên bản nhận dạng, vật chứng thu giữ được; biên bản niêm phong và mở niêm phong; kết luận giám định và định giá tài sản... nên đã đủ chứng cứ buộc tội các bị cáo và lời đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo N, chị Võ Thùy Tr1, chị Trần Tuyết N, chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn H thì, tuy bị cáo và các anh, chị có khai nhận cùng với các tên C, P, H, N, Th và Tr2 (tất cả 06 người này đều không rõ lai lịch) đánh bài ăn tiền nhưng do ngoài lời khai ra, không có bất kỳ chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền dùng vào việc đánh bạc cụ thể là bao nhiêu nên đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự. Ngài ra các bị cáo N và T, tuy còn có dấu hiệu của hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản là số tiền 135.000.000 đồng từ gia đình của các tên P, Th và Tr2 mang đến đưa cho bị cáo N nhưng do tất cả bị hại đều không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra đã có thông báo truy tìm nhưng đến nay vẫn chưa có ai đến giải quyết nên vẫn còn đang tiếp tục truy xét cho đến khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau. Còn đối với tên C, tuy có giúp các bị cáo chiếm đoạt tài sản của chị T nhưng do không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra còn đây tiếp tục truy xét đến khi nào phát hiện được sẽ xử lý sau. Riêng đối với 02 chị Tr1 và N, do đã bỏ ra về trước khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và được bị cáo N đưa cho mỗi người 30.000.000 đồng; chị Trần Thị H, tuy có nhận cầm tài sản của các bị cáo chiếm đoạt và chị Nguyễn Huệ Tr thì nhận giữ giùm xe cho bị cáo N nhưng vì tất cả đều ai không biết đó là tài sản do bị cáo N phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của các chị Tr, N, H và Tr là phù hợp.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn có thể xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác; riêng bị cáo N còn không những xâm phạm đến một trong những quyền cơ bản của công dân là quyền tự do đi lại mà còn gây tổn thất về tinh thần của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo là hết sức nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được từng việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong vụ án này, tuy các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, sự cấu kết thực hiện tội phạm không chặt chẽ về hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt trái phép tài sản nên không được coi là “Có tổ chức” nhưng do bị cáo N với vai trò là người khởi xướng, rủ rê, trực tiếp chiếm đoạt tài sản, cầm cố tài sản và hưởng lợi một mình; còn bị cáo T chỉ giúp sức cho việc dùng vũ lực đối với bị hại và không hưởng lợi nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự bằng một mức án nghiêm khắc và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần được xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*”; do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy nghề nghiệp của các bị cáo không ổn định và không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng mà bị cáo N có được và đã tiêu xài hết là tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu, buộc bị cáo nộp lại để suy quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại phiên tòa hôm nay, anh Trịnh Văn H có mặt khai do không bị chiếm đoạt tài sản mà chỉ bị cắt tóc đến mức nham nhở nhưng không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Riêng bị hại chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt nhưng theo các tài liệu có trong hồ sơ thì, chị T đã được nhận lại đủ số tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm; riêng đối với chị Trần Thị H, tuy đã nhận cầm tài sản của bị cáo Năm với số tiền 50.000.000 đồng và đã bị thu hồi tài sản nhận cầm nhưng do gia đình của bị cáo N đã tự nguyện hoàn trả lại đủ số này cho nên không xét.

[7] Về vật chứng: Đối với 21 vòng bằng hợp kim khối lượng 59,957g, tương đương 15,9885 chỉ vàng 14K; 04 vòng bằng hợp kim, khối lượng 13,2628g, tương đương 3,5367 chỉ vàng 17K; 03 vòng bằng hợp kim, khối lượng 9,8301g, tương đương 2,6214 chỉ vàng 16K; 02 vòng bằng hợp kim, khối lượng 16,3818g, tương đương 4,3685 chỉ vàng 23K; 03 nhẫn bằng hợp kim, khối lượng 18,2201g, tương đương 4,2405 chỉ vàng 14K và chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 59D2-609.67 của chị Nguyễn Thị T, Cơ quan điều tra đã thu hồi và giao trả cho chị Tiên nên không xét. Còn 01 cây kéo màu đen là phương tiện phạm tội; 01 cái hộp nhựa màu xanh, bên trong có vỏ bao của cặp kính sát trùng và dụng cụ nhíp gấp kính; 01 vỏ bao của cặp kính sát trùng bằng nhựa màu nâu trắng, phía trên có hình mắt kính và chữ R, bên trong có một kính sát trùng; 01 cái ổ khóa cửa có chữ M; 01 cái chìa khóa và 24 bộ bài tây của bị cáo N, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tất cả để tiêu hủy. Riêng 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, số Imei 355803093748836/355803093748831, gắn sim số 0919010230 và 0903119115; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, số Imei 354185100346262, gắn sim số 0922299111 của các bị cáo sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội; số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng của các bị Tr1 và N là tiền do các bị cáo thu lợi bất chính mà có nên cần tịch thu tất cả để sung quỹ Nhà nước.

[8] Các bị cáo Nguyễn Văn Bé N và Dương Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Bé N phạm các tội “Cướp tài sản” và “Giữ người trái pháp luật”. Còn bị cáo Dương Minh T phạm “Tội cướp tài sản”.

- Về điều luật áp dụng và xử phạt:

.Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bé N 09 (chín) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn Bé N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15-5-2019.

.Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Dương Minh T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15-5-2019.

- Về số tiền thu lợi bất chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Bé N nộp lại số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, số Imei 355803093748836/355803093748831, gắn sim số 0919010230; 0903119115; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, số Imei 354185100346262, gắn sim số 0922299111 và số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 cây kéo màu đen là phương tiện phạm tội; 01 cái hộp nhựa màu xanh, bên trong có vỏ bao của cặp kính sát trùng và dụng cụ nhíp gấp kính; 01 vỏ bao của cặp kính sát trùng bằng nhựa màu nâu trắng, phía trên có hình mắt kính và chữ R, bên trong có một kính sát trùng; 01 cái ổ khóa cửa có chữ M; 01 cái chìa khóa và 24 bộ bài tây.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân đang tạm giữ theo Phiếu nhập kho số NK20/71TAM ngày 16/01/2020; riêng số tiền 60.000.000 đồng được Công an quận Bình Tân gửi vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam theo tài khoản số 3949.0.9061703.00000 ngày 30/12/2019)

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Văn Bé N và Dương Minh T mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn Bé N và Dương Minh T; bị hại anh Trịnh Văn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thùy Tr1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Tuyết N vắng mặt có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND QBT;
- CA QBT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ –Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ái